

CHƯƠNG 3

MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

Giới thiệu

Hợp đồng Mẫu này bao gồm các quy tắc chính cho một hợp đồng mua bán quốc tế, nghĩa là các quyền và nghĩa vụ chính của các Bên, các giải pháp cho việc vi phạm hợp đồng của Bên mua; các giải pháp cho việc vi phạm hợp đồng của Bên bán; các quy tắc chung áp dụng ngang bằng cho cả hai bên. Hợp đồng Mẫu này cũng bao gồm các điều khoản dự phòng được thừa nhận rộng rãi trong các hợp đồng thương mại quốc tế.

Hợp đồng Mẫu chịu ảnh hưởng sâu sắc của Công ước của Liên hợp quốc về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG), được các luật sư thừa nhận rộng rãi. Hợp đồng Mẫu cụ thể các quy định thực tế phát sinh từ thực tiễn thương mại với các quy tắc của CISG.

Hợp đồng Mẫu có thể được xem như là một khung quy định chung cho nhiều loại hình hợp đồng mua bán trong thương mại quốc tế. Trong quá trình thực hiện, các Bên nên áp dụng cho phù hợp với nội dung của mỗi hợp đồng mua bán cụ thể cũng như với những quy định cụ thể của luật áp dụng khi tồn tại những quy định đó.

Nên chú ý những điểm sau đây:

1. Hợp đồng Mẫu cho Mua bán hàng hóa quốc tế được trình bày thành hai bản- bản “tiêu chuẩn” và bản “rút gọn”. Bản tiêu chuẩn bao gồm các định nghĩa có liên quan (tức là khái niệm về việc không phù hợp), các bình luận đặc biệt (tức là thông báo về việc không phù hợp), các giải thích và/hoặc các thông báo cho các Bên (tức là giới hạn trách nhiệm của Bên bán, về hiệu lực của điều khoản lợi ích theo thỏa thuận). Bản rút gọn có định hướng thực tế hơn, điều chỉnh những quyền và nghĩa vụ chính của các Bên mà không có giải thích đặc biệt nào. Ngoài ra, bản rút gọn chỉ bao gồm các điều khoản dự phòng được lựa chọn, trong khi bản tiêu chuẩn đưa ra tất cả các điều khoản dự phòng có trong các Hợp đồng Mẫu trong cẩm nang này.

2. Hợp đồng Mẫu có thể được chia thành bốn phần. Phần thứ nhất quy định về các Quy tắc về Hàng hóa: Giao hàng, giá cả, điều kiện thanh toán và các tài liệu được cung cấp. Phần hai điều chỉnh các biện pháp của Bên bán trong trường hợp không được thanh toán đúng thời gian theo thỏa thuận; các biện pháp của Bên mua trong trường hợp không giao hàng đúng thời gian theo thỏa thuận, hàng hóa không đúng tiêu chuẩn, chuyển nhượng tài sản và các khiếm khuyết pháp lý. Phần ba bao gồm các quy tắc về hủy hợp đồng và tránh thiệt hại – các cơ sở để hủy hợp đồng, thủ tục hủy, tác động của việc hủy nói chung,

cũng như các quy tắc bồi thường, thiệt hại và giảm thiểu thiệt hại. Phần bốn là các quy định tiêu chuẩn.

3. Hợp đồng Mẫu thông qua khái niệm của CISG về việc không phù hợp. Khái niệm này có phạm vi rộng hơn khái niệm về khiếm khuyết căn bản (được chấp nhận tại các nước dân luật) và bao gồm những sự khác biệt về chất lượng, cũng như khác biệt về khối lượng, các loại hình giao hàng và các khiếm khuyết căn bản trong quá trình đóng gói. Tuy nhiên, các trường hợp cụ thể của việc không phù hợp được xác định trong CISG tương ứng với các thức xác định các khiếm khuyết căn bản tại các nước dân luật. Những trường hợp đó có cả những sự không phù hợp của Hàng hóa vì những mục đích thông thường hoặc vì những mục đích đặc biệt, cũng như việc không phù hợp với hàng mẫu.

Trách nhiệm của Bên bán trong việc không phù hợp được giải quyết gần như là giống nhau theo CISG và hầu hết các quy tắc quốc gia điều chỉnh về trách nhiệm của Bên bán đối với những khiếm khuyết căn bản. Hơn nữa, trong hệ thống của CISG, việc “không giao hàng” và “không phù hợp” là những hình thức riêng biệt của hành vi vi phạm hợp đồng. Hệ thống tương tự cũng được chấp nhận trong Hợp đồng Mẫu, cụ thể như sau:

a) các quy tắc đặc biệt về các biện pháp của Bên mua trong trường hợp không giao hàng đúng thời gian thỏa thuận; b) các quy tắc về các biện pháp của Bên mua trong trường hợp hàng hóa không phù hợp; c) các quy tắc về việc hủy hợp đồng do việc không thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng.

4. Về việc hủy hợp đồng (thuật ngữ “hủy” hợp đồng, cũng được lấy từ CISG, là việc chấm dứt hợp đồng), Hợp đồng Mẫu sử dụng khái niệm của CISG về việc vi phạm căn bản hợp đồng, nhưng có những sửa đổi căn bản. Hợp đồng mẫu trước tiên xác định các trường hợp cấu thành nên hành vi vi phạm hợp đồng (nếu một bên không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo h, bao gồm kể cả việc thực hiện có lỗi, một phần hoặc chậm trễ. Trên cơ sở đó, Hợp đồng Mẫu quy định các quy tắc cho hai trường hợp khác nhau.

Thứ nhất là trường hợp trong đó việc vi phạm hợp đồng là một vi phạm căn bản. Đó có thể là trường hợp khi việc tuân thủ chặt chẽ nghĩa vụ không được thực hiện là một quy định quan trọng của hợp đồng; hoặc khi việc không thực hiện dẫn đến việc tước bỏ căn bản điều mà bên bị ảnh hưởng đáng ra được hưởng. Hợp đồng Mẫu cũng để khả năng cho các Bên trong việc xác định các trường hợp sẽ được cho là vi phạm căn bản, tức là việc thanh toán chậm trễ, giao hàng chậm, không phù hợp, v.v... Trong trường hợp có vi phạm căn bản, Hợp đồng Mẫu cho phép bên bị vi phạm tuyên bố hợp đồng vô hiệu mà không cần xác định thời hạn bổ sung để thực hiện những quy định trong hợp đồng.

Trong trường hợp thứ hai, việc vi phạm hợp đồng không tạo thành vi phạm căn bản. Bên bị vi phạm có nghĩa vụ đưa ra một thời hạn bổ sung cho việc thực

hiện. Chỉ khi bên kia không thực hiện nghĩa vụ của mình trong khoảng thời gian đó, thì bên bị vi phạm mới được quyền tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Hợp đồng Mẫu thừa nhận quy tắc của CISG: Một tuyên bố hủy hợp đồng chỉ có hiệu lực khi thông báo được gửi cho bên kia.

5. Điều khoản về luật áp dụng của Hợp đồng Mẫu được cụ thể đối với việc mua bán hàng hóa quốc tế. Điều khoản này quy định rằng những vấn đề mà không được bản thân hợp đồng điều chỉnh sẽ được điều chỉnh bởi CISG. Các vấn đề không được CISG điều chỉnh thì sẽ được các Nguyên tắc của UNIDROIT điều chỉnh, và trong phạm vi các vấn đề đó không được các Nguyên tắc của UNIDROIT điều chỉnh, thì sẽ được điều chỉnh bằng việc dẫn chiếu đến luật quốc gia mà các Bên chọn. Liên quan đến việc áp dụng CISG, chúng ta lưu ý rằng các Bên có thể loại trừ toàn bộ hoặc một phần CISG. Các Bên cũng có thể thỏa thuận về các quy tắc sẽ sửa đổi, thay thế hoặc bổ sung những quy định đó của CISG.

6. Các nguồn chính của luật hợp đồng thống nhất được sử dụng trong quá trình soạn thảo Hợp đồng Mẫu này là như sau: Công ước của Liên hợp quốc về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG); Luật Thống nhất về Mua bán hàng hóa quốc tế (ULIS); các Nguyên tắc của UNIDROIT về Hợp đồng Thương mại quốc tế; các Nguyên tắc của Luật Hợp đồng Châu Âu (PECL); Hợp đồng Mẫu của ITC về Mua bán hàng hóa quốc tế đối với hàng hóa dễ hỏng; Hợp đồng Mẫu về Mua bán quốc tế của ICC – Hàng hóa sản xuất để bán lại.

HỢP ĐỒNG MẪU CỦA ITC ĐỐI VỚI MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ (BẢN RÚT GỌN)

• CÁC BÊN:

Bên bán

Tên (tên công ty)

Hình thức pháp lý (chẳng hạn như công ty trách nhiệm hữu hạn)

Quốc gia nơi thành lập và (nếu thích hợp) số đăng ký kinh doanh

Địa chỉ (địa chỉ kinh doanh của bên bán, số điện thoại, fax, e-mail)

Đại diện bởi (tên đầy đủ, địa chỉ, chức danh, danh nghĩa pháp lý của đại diện)

Bên Mua

Tên (tên công ty)

Hình thức pháp lý (chẳng hạn như công ty trách nhiệm hữu hạn)

Quốc gia nơi thành lập và (nếu thích hợp) số đăng ký kinh doanh

Địa chỉ (địa chỉ kinh doanh của bên bán, số điện thoại, fax, e-mail)

Đại diện bởi (tên đầy đủ, địa chỉ, chức danh, danh nghĩa pháp lý của đại diện)

Sau đây gọi là “các Bên”.

1. Hàng hóa

- 1.1. Tùy thuộc vào các quy định được thỏa thuận trong hợp đồng này, Bên Bán sẽ giao (những) hàng hóa sau đây (sau đây gọi là “Hàng hóa”) cho Bên mua.
- 1.2. Mô tả về Hàng hóa (các chi tiết cần được định nghĩa/trình bày cụ thể về Hàng hóa là đối tượng của việc mua bán, bao gồm chất lượng, mô tả, chứng nhận, quốc gia xuất xứ, các chi tiết khác.)
- 1.3. Số lượng Hàng hóa (bao gồm đơn vị tính).
 - 1.3.1. Tổng khối lượng
 - 1.3.2. Trên mỗi lần giao hàng..... (nếu thích hợp)
 - 1.3.3. Tỷ lệ dung sai: cộng hoặc trừ % (nếu thích hợp)
- 1.4. Kiểm tra Hàng hóa (nếu việc kiểm tra là bắt buộc, trình bày cụ thể, nếu cần thiết, về tổ chức chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng và/hoặc số lượng, địa điểm và thời gian và/hoặc thời hạn kiểm tra, trách nhiệm đối với chi phí kiểm tra).
- 1.5. Đóng gói
- 1.6. Các chi tiết khác.

2. Giao hàng

- 2.1. Các Quy tắc áp dụng của Phòng Thương mại Quốc tế (sau đây gọi là ICC) (với việc dẫn chiếu đến hầu hết những bản hiện nay của Quy tắc vào thời gian ký hợp đồng).
- 2.2. Địa điểm giao hàng.

- 2.3. Thời gian hoặc thời hạn giao hàng.
- 2.4. Bên vận chuyển (tên và địa chỉ, nếu thích hợp).
- 2.5. Những điều khoản giao hàng khác (nếu có).

3. Giá

- 3.1. Giá tổng
- 3.2. Giá trên đơn vị tính (nếu thích hợp)
- 3.3. Số tiền bằng số
- 3.4. Số tiền bằng chữ
- 3.5. Đơn vị tiền tệ
- 3.6. Phương thức định giá (nếu thích hợp)

4. Điều kiện thanh toán

- 4.1. Phương thức thanh toán (tiền mặt, séc, hồi phiếu ngân hàng, chuyển tiền)
- 4.2. Chi tiết về tài khoản ngân hàng của Bên bán (nếu cần thiết)
- 4.3. Thời gian thanh toán.

Các Bên có thể lựa chọn phương thức thanh toán trong số các khả năng trình bày dưới đây, trong đó các Bên có thể cụ thể về phương thức được lựa chọn và cung cấp các thông tin tương ứng:

- q Thanh toán trước [*cụ thể*]
- q Thanh toán bằng thu chứng từ [*cụ thể*]
- q Thanh toán bằng tín dụng thanh toán không thể hủy ngang [*cụ thể*]
- q Thanh toán bằng bảo lãnh ngân hàng [*cụ thể*]
- q Các phương thức thanh toán khác [*cụ thể*]

5. Giấy tờ

5.1. Bên bán sẽ cung cấp cho Bên mua (hoặc sẽ cung cấp cho ngân hàng mà Bên mua xác định) những giấy tờ sau đây (đánh dấu vào các ô thích hợp và cho biết số lượng bản sao sẽ được cung cấp, nếu thích hợp):

- q Hóa đơn thương mại
- q Các giấy tờ vận chuyển sau đây (trình bày cụ thể các yêu cầu)
- q Danh sách đóng gói
- q Chứng nhận xuất xứ
- q Giấy tờ hải quan
- q Các giấy tờ khác

5.2. Ngoài ra, Bên bán sẽ cung cấp cho Bên mua các giấy tờ quy định trong các Quy tắc của ICC mà các Bên đã lựa chọn theo Điều 2 của hợp đồng này.

6. Bên mua không thực hiện nghĩa vụ thanh toán vào thời gian theo thỏa thuận

6.1. Nếu Bên mua không thanh toán với mức giá vào thời gian theo thỏa thuận, Bên bán sẽ đưa ra cho Bên mua một khoảng thời gian bổ sung là (cụ thể thời gian) để thực hiện việc thanh toán. Nếu Bên mua không thanh toán trong khoảng thời gian bổ sung đó, Bên bán có thể tuyên bố hợp đồng vô hiệu theo Điều 10 của hợp đồng này.

6.2. Nếu Bên mua không thanh toán vào thời gian theo thỏa thuận, thì trong bất kỳ trường hợp nào, Bên bán có quyền, không bị giới hạn bất kỳ quyền nào khác mà bên bán có thể có, tính lãi đối với khoản phát sinh (cả trước và sau khi có bất kỳ phán quyết nào) với tỷ lệ là [cụ thể] % mỗi năm.

[Thay thế: Cụ thể tỷ lệ lãi suất khác theo thỏa thuận của các Bên.]

[Bình luận: các bên sẽ xem xét rằng tại một số hệ thống pháp lý, việc thanh toán lãi suất là phi pháp, hoặc phải theo tỷ lệ trần luật định, hoặc có quy định về lãi suất luật định đối với việc thanh toán chậm.]

7. Bên Bán không thực hiện nghĩa vụ giao Hàng hóa vào thời gian thỏa thuận

7.1. Nếu Bên bán không giao Hàng hóa vào thời gian thỏa thuận, thì Bên mua sẽ đưa ra cho Bên bán một khoảng thời gian bổ sung là (cụ thể thời gian) để thực hiện việc giao hàng. Nếu Bên bán không giao hàng trong khoảng thời gian bổ sung đó, Bên mua có thể tuyên bố hợp đồng vô hiệu theo Điều 10 của hợp đồng này.

[Lựa chọn: “7.2 Nếu Bên bán chậm trễ trong việc giao bất kỳ hàng hóa nào như được quy định trong hợp đồng này, thì Bên mua có quyền yêu cầu một khoản thiệt hại bằng 0.5% (các bên có thể thỏa thuận một tỷ lệ khác:%) giá của hàng hóa đó cho mỗi ngày chậm trễ tính từ thời gian giao hàng thỏa thuận hoặc ngày cuối cùng của thời hạn giao hàng thỏa thuận, như được quy định trong Điều 2 của hợp đồng này, với điều kiện là Bên mua thông báo cho Bên bán về việc chậm trễ này.

Nếu Bên mua thông báo cho Bên bán trong vòng..... ngày kể từ thời gian giao hàng thỏa thuận hoặc ngày cuối cùng của thời hạn giao hàng thỏa thuận, tiền bồi thường thiệt hại sẽ được tính từ ngày giao hàng thỏa thuận hoặc ngày cuối cùng của thời hạn giao hàng theo thỏa thuận. Nếu Bên mua thông báo cho Bên bán quá.....ngày sau thời gian giao hàng thỏa thuận hoặc ngày cuối cùng của thời hạn giao hàng theo thỏa thuận, thiệt hại sẽ được tính từ ngày thông báo. Tiền bồi thường thiệt hại cho việc chậm trễ sẽ không được vượt quá.....% của giá của hàng hóa bị giao chậm trễ. Tiền bồi thường thiệt hại đối với việc chậm trễ không ngăn cản việc hủy hợp đồng này theo Điều 10.”]

8. Không phù hợp

8.1. Bên mua sẽ kiểm tra Hàng hóa trong một khoảng thời gian ngắn thích hợp. Bên mua sẽ thông báo cho Bên bán về bất cứ tình trạng không phù hợp nào của Hàng hóa, trong đó nêu rõ nội dung của việc không phù hợp này, trong vòng..... ngày kể từ khi Bên mua phát hiện ra hoặc đáng ra phải phát hiện ra tình trạng không phù hợp. Trong bất kỳ trường hợp nào, Bên mua sẽ mất quyền dựa vào tình huống không phù hợp nếu Bên mua không thông báo cho Bên bán muộn nhất là trong vòng hai năm (khoảng thời gian khác) kể từ ngày Hàng hóa trên thực tế được giao cho Bên mua.

8.2. Nếu Bên mua đã có thông báo hợp thức về tình trạng không phù hợp cho Bên bán, thì Bên mua có thể, theo lựa chọn của mình:

8.2.1. Yêu cầu Bên bán giao bất kỳ khối lượng Hàng hóa nào thiếu, mà không phát sinh chi phí nào cho Bên mua;

8.2.2. Yêu cầu Bên bán thay Hàng hóa đó bằng hàng phù hợp; mà không phát sinh chi phí nào cho Bên mua;

8.2.3. Yêu cầu Bên bán sửa chữa Hàng hóa, mà không phát sinh chi phí nào cho Bên mua;

8.2.4. Giảm giá theo cùng tỷ lệ với giá trị mà Hàng hóa trên thực tế được giao vào thời điểm giao hàng với giá trị hàng hóa phù hợp lẽ ra được giao vào thời điểm đó. Bên mua có thể không được yêu cầu giảm giá nếu Bên bán thay thế Hàng hóa bằng hàng phù hợp hoặc sửa chữa Hàng hóa theo khoản 8.2.2 và 8.2.3 của Điều khoản này hoặc nếu Bên mua không chấp nhận việc thực hiện đó của Bên bán;

8.2.5. Tuyên bố hợp đồng này vô hiệu theo Điều 10 của hợp đồng này. Trong bất cứ trường hợp nào, Bên mua sẽ có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.

[Lựa chọn: “8.3 Trách nhiệm của Bên bán theo Điều khoản này đối với việc Hàng hóa không phù hợp được giới hạn trong [cụ thể (các) giới hạn.]

9. Chuyển nhượng quyền sở hữu

Bên bán phải giao cho Bên mua Hàng hóa như được quy định tại Điều 1 của hợp đồng này mà không bị bất cứ khiếu nại nào của bên thứ ba.

[Lựa chọn: “Sở hữu danh nghĩa. Bên bán phải giao cho Bên mua Hàng hóa như được quy định tại Điều 1 của hợp đồng này mà không bị bất cứ khiếu nại nào của bên thứ ba. Quyền sở hữu đối với Hàng hóa sẽ không được chuyển sang Bên mua, Bên mua sẽ giữ Hàng hóa riêng rẽ khỏi

Hàng hóa của Bên mua và bên thứ ba và được cất giữ, bảo quản và bảo đảm và xác định với tư cách là sở hữu của Bên bán.”]

10. Hủy hợp đồng

10.1. Sẽ tồn tại một vi phạm hợp đồng nếu một bên không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo hợp đồng này, bao gồm việc thực hiện có khiếm khuyết, từng phần hoặc chậm trễ.

10.2. Sẽ tồn tại một vi phạm hợp đồng cơ bản nếu:

10.2.1. Việc không tuân thủ nghĩa vụ là điều cốt yếu của hợp đồng này; hoặc

10.2.2. Việc không tuân thủ sẽ tước đi một cách căn bản những gì mà bên bị vi phạm có quyền được hy vọng theo hợp đồng này.

[Lựa chọn: “Các Bên thỏa thuận rằng hành vi sau đây sẽ bị coi là một vi phạm căn bản hợp đồng:

(Nêu rõ những trường hợp cấu thành nên một vi phạm căn bản hợp đồng, chẳng hạn như thanh toán chậm, giao hàng chậm, không phù hợp, v.v...)

10.3. Trong trường hợp vi phạm hợp đồng theo khoản 10.1 của Điều khoản này, bên bị vi phạm sẽ, qua thông báo cho bên kia, đưa ra một khoảng thời gian thực hiện bổ sung là (nêu rõ khoảng thời gian). Trong khoảng thời gian bổ sung, bên bị vi phạm có thể từ chối thực hiện những nghĩa vụ có đi có lại của mình và có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại, nhưng không được tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Nếu bên kia không thực hiện nghĩa vụ của mình trong khoảng thời gian bổ sung, thì bên bị vi phạm có thể tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

10.4. Trong trường hợp có vi phạm cơ bản hợp đồng theo khoản 10.2 của Điều này, bên bị vi phạm có thể tuyên bố hợp đồng vô hiệu mà không phải đưa ra bất cứ khoảng thời gian thực hiện bổ sung nào cho bên kia.

10.5. Một tuyên bố hủy hợp đồng chỉ có hiệu lực nếu được làm thành thông báo gửi cho bên kia.

11. Bất khả kháng- lý do cho việc không thực hiện

11.1. “Bất khả kháng” là chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, tai nạn, hỏa hoạn, động đất, lũ lụt, bão, biểu tình hoặc trở ngại nào mà bên bị ảnh hưởng chứng minh được rằng điều đó ngoài tầm kiểm soát của bên đó và không thể lường hết vào thời điểm ký kết hợp đồng này, hoặc tránh được hoặc khắc phục được các hậu quả của nó.

11.2. Bên bị ảnh hưởng bởi tình huống Bất khả kháng sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng này, hoặc phải chịu trách nhiệm đối với bên kia, với lý do chậm trễ trong việc thực hiện, hoặc việc không thực hiện, về bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo hợp đồng này trong phạm vi mà việc chậm trễ hoặc không thực hiện là do bất kỳ tình huống Bất khả kháng gây ra mà bên đó đã thông báo cho bên kia theo Điều 11.2 . Thời gian thực hiện nghĩa vụ đó sẽ được gia hạn theo quy định tại Điều 11.3.

11.3. Nếu bất kỳ tình huống Bất khả kháng xảy ra liên quan đến bất kỳ bên nào mà ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đến việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào theo hợp đồng này, thì phải thông báo cho bên kia trong một khoảng thời gian hợp lý về bản chất của hoàn cảnh hiện tại và ảnh hưởng của hoàn cảnh đó đối với khả năng thực hiện của mình.

11.4. Nếu việc thực hiện của bất kỳ bên nào đối với bất kỳ nghĩa vụ nào theo hợp đồng này bị ngăn cản hoặc bị trì hoãn bởi tình huống Bất khả kháng trong một khoảng thời gian liên tiếp vượt quá ba tháng [cụ thể những con số khác], thì bên kia sẽ có quyền chấm dứt hợp đồng này bằng thông báo bằng văn bản cho bên bị ảnh hưởng bởi tình huống Bất khả kháng.

[Thay thế: Nếu muốn, thay thế Điều 11.4 bằng quy định sau: “11.4 Nếu việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào trong hợp đồng này của bất kỳ bên nào bị cản trở hoặc bị trì hoãn do tình huống Bất khả kháng trong một khoảng thời gian liên tiếp vượt quá [sáu] tháng, thì các Bên sẽ thương lượng trên tinh thần thiện chí, và có những nỗ lực hợp lý để thỏa thuận về những sửa đổi đối với hợp đồng này hoặc những thỏa thuận thay thế có thể công bằng và hợp lý nhằm giảm bớt tác động của tình huống Bất khả kháng. Nhưng nếu các Bên không thỏa thuận được về những sửa đổi đó hoặc các thỏa thuận trong một khoảng thời gian tiếp theo là 30 ngày, thì bên kia có quyền chấm dứt hợp đồng này bằng việc thông báo bằng văn bản cho Bên bị ảnh hưởng bởi tình huống Bất khả kháng.”]

12. Thỏa thuận toàn bộ

12.1. Hợp đồng này quy định về thỏa thuận toàn bộ giữa các Bên liên quan đến Liên minh. Không bên nào được ký hợp đồng này về liên minh trên cơ sở bất kỳ đại diện, đảm bảo hoặc nghĩa vụ nào của bên kia mà không được quy định hoặc dẫn chiếu (rõ ràng trong h này. Điều này sẽ không loại trừ bất kỳ trách nhiệm nào đối với hành vi lừa đảo. *[Lựa chọn: bổ sung nếu thích hợp: “Hợp đồng này sẽ thay thế bất kỳ thỏa thuận hoặc cách hiểu nào trước đó liên quan đến đối tượng của hợp đồng.”]*

12.2. Hợp đồng này có thể sẽ không có quy định khác trừ khi các Bên đồng ý bằng văn bản (có thể bằng e-mail)

13. Thông báo

13.1. Bất kỳ thông báo nào theo hợp đồng này phải được làm thành văn bản (có thể bằng e-mail) và có thể được gửi bằng việc chuyển đến địa chỉ của bên kia được quy định tại Điều 13.2 dưới đây, theo cách thức đảm bảo chứng minh được việc đã nhận được thông báo.

13.2. Vì mục đích của Điều 13.1, các chi tiết của thông báo được trình bày như dưới đây, trừ phi nội dung thông báo được thực hiện theo đúng Điều này:

-
-

14. Giải quyết tranh chấp

Bất kỳ tranh chấp, bất đồng hoặc khiếu nại nào phát sinh từ hoặc có liên quan đến hợp đồng này (bao gồm việc ký kết, giải thích, thực hiện, vi phạm, chấm dứt hoặc vô hiệu) sẽ được giải quyết theo các quy tắc [*cụ thể tổ chức trọng tài*] với [*cụ thể số trọng tài viên, chẳng hạn như trọng tài viên duy nhất, ba trọng tài viên*] được chỉ định theo những quy tắc nói trên. Địa điểm trọng tài sẽ là [*cụ thể*]. Ngôn ngữ sử dụng trong trọng tài là [*cụ thể*].

[Những quy định sau đây là những quy định thay thế đối với một tổ chức trọng tài xác định theo Điều 14:

Thay thế 1: Trọng tài vụ việc

*“Bất kỳ tranh chấp, bất đồng hoặc khiếu nại nào phát sinh hoặc liên quan đến hợp đồng này, bao gồm việc ký kết, giải thích, thực hiện, vi phạm, chấm dứt hoặc vô hiệu, sẽ được giải quyết theo các quy tắc của UNCITRAL [*cụ thể các quy tắc khác*] với [*cụ thể số lượng trọng tài viên, chẳng hạn như trọng tài viên duy nhất, ba trọng tài viên*] được chỉ định bởi [*cụ thể tên của tổ chức hoặc cá nhân chỉ định*]. Địa điểm trọng tài sẽ là [*cụ thể*]. Ngôn ngữ sử dụng trong trọng tài sẽ là [*cụ thể*].”*

[Thay thế 2: Các tòa án quốc gia

“Bất kỳ tranh chấp, bất đồng hoặc khiếu nại nào phát sinh hoặc liên quan đến hợp đồng này, bao gồm việc ký kết, giải thích, thực hiện, vi phạm, chấm dứt hoặc vô hiệu, sẽ được giải quyết bằng tòa án của (cụ thể địa điểm và quốc gia) có thẩm quyền riêng biệt.”

15. Luật áp dụng và nguyên tắc chỉ đạo

15.1. Các vấn đề liên quan đến hợp đồng này mà không giải quyết được theo các quy định có trong hợp đồng thì sẽ được điều chỉnh theo Công ước của Liên hợp quốc về Hợp đồng Mua bán hợp đồng quốc tế (Công ước Viên về Mua bán năm 1980, sau đây gọi là CISG).

Các vấn đề không được CISG điều chỉnh thì sẽ được điều chỉnh theo các Nguyên tắc UNIDROIT về Hợp đồng thương mại quốc tế (sau đây gọi là Nguyên tắc UNIDROIT), và nếu các vấn đề đó không được điều chỉnh theo Nguyên tắc UNIDROIT, thì sẽ được viện dẫn tới *[nêu rõ luật quốc gia áp dụng theo lựa chọn sau đây:*

Luật quốc gia áp dụng của nước mà Bên bán có trụ sở kinh doanh, hoặc Luật quốc gia áp dụng của nước mà Bên mua có trụ sở kinh doanh, hoặc Luật quốc gia áp dụng của nước thứ ba (nêu rõ quốc gia).]

15.2. Hợp đồng này sẽ được thực hiện trên tinh thần thiện chí và công bằng.

THỜI GIAN VÀ CHỮ KÝ CỦA CÁC BÊN

	Bên bán	Bên mua
Thời gian		
Tên		
	Chữ ký	Chữ ký

HỢP ĐỒNG MẪU CỦA ITC ĐỐI VỚI MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ (BẢN CHUẨN)

• CÁC BÊN:

Bên bán

Tên (tên công ty)

Hình thức pháp lý (chẳng hạn như công ty trách nhiệm hữu hạn)

Quốc gia nơi thành lập và (nếu thích hợp) số đăng ký kinh doanh

Địa chỉ (địa chỉ kinh doanh của bên bán, số điện thoại, fax, e-mail)

Đại diện bởi (tên đầy đủ, địa chỉ, chức danh, danh nghĩa pháp lý của đại diện)

Bên Mua

Tên (tên công ty)

Hình thức pháp lý (chẳng hạn như công ty trách nhiệm hữu hạn)

Quốc gia nơi thành lập và (nếu thích hợp) số đăng ký kinh doanh

Địa chỉ (địa chỉ kinh doanh của bên bán, số điện thoại, fax, e-mail)

Đại diện bởi (tên đầy đủ, địa chỉ, chức danh, danh nghĩa pháp lý của đại diện)

Sau đây gọi là “các Bên”.

1. Hàng hóa

- 1.1. Tùy thuộc vào các quy định được thỏa thuận trong hợp đồng này, Bên Bán sẽ giao (những) hàng hóa sau đây (sau đây gọi là “Hàng hóa”) cho Bên mua.
- 1.2. Mô tả về Hàng hóa (các chi tiết cần được định nghĩa/trình bày cụ thể về Hàng hóa là đối tượng của việc mua bán, bao gồm chất lượng, mô tả, chứng nhận, quốc gia xuất xứ, các chi tiết khác.)
- 1.3. Số lượng Hàng hóa (bao gồm đơn vị tính).
 - 1.3.1. Tổng khối lượng
 - 1.3.2. Trên mỗi lần giao hàng..... (nếu thích hợp)
 - 1.3.3. Tỷ lệ dung sai: cộng hoặc trừ % (nếu thích hợp)
- 1.4. Kiểm tra Hàng hóa (nếu việc kiểm tra là bắt buộc, trình bày cụ thể, nêu cần thiết, về tổ chức chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng và/hoặc số lượng, địa điểm và thời gian và/hoặc thời hạn kiểm tra, trách nhiệm đối với chi phí kiểm tra).
- 1.5. Đóng gói
- 1.6. Các chi tiết khác.

2. Giao hàng

- 2.1. Các Quy tắc áp dụng của Phòng Thương mại Quốc tế (sau đây gọi là ICC) (với việc dẫn chiếu đến hầu hết những bản hiện nay của Quy tắc vào thời gian ký hợp đồng).
- 2.2. Địa điểm giao hàng.
- 2.3. Thời gian hoặc thời hạn giao hàng.

- 2.4. Bên vận chuyển (tên và địa chỉ, nếu thích hợp).
- 2.5. Những điều khoản giao hàng khác (nếu có).

3. Giá

- 3.1. Giá tổng
- 3.2. Giá trên đơn vị tính (nếu thích hợp)
- 3.3. Số tiền bằng số
- 3.4. Số tiền bằng chữ
- 3.5. Đơn vị tiền tệ
- 3.6. Phương thức định giá (nếu thích hợp)

4. Điều kiện thanh toán

- 4.1. Phương thức thanh toán (tiền mặt, séc, hối phiếu ngân hàng, chuyển tiền)
- 4.2. Chi tiết về tài khoản ngân hàng của Bên bán (nếu cần thiết)
- 4.3. Thời gian thanh toán.

Các Bên có thể lựa chọn phương thức thanh toán trong số các khả năng trình bày dưới đây, trong đó các Bên có thể cụ thể về phương thức được lựa chọn và cung cấp các thông tin tương ứng:

q Thanh toán trước

Số tiền phải thanh toán (tổng giá hoặc một phần của giá và/hoặc phần trăm của tổng giá)

Ngày thanh toán muộn nhất cho ngân hàng của Bên bán

Những điều kiện đặc biệt áp dụng đối với việc thanh toán này *[nếu có]*

q Thanh toán bằng thu chứng từ

Số tiền phải thanh toán: (ví dụ: các chứng từ để thanh toán – D/P, chứng từ cho việc chấp nhận – D/A) sau đây:

Chứng từ sẽ được cung cấp theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.

Thanh toán bằng thu chứng từ sẽ thuộc điều chỉnh của Quy tắc thống nhất về Thu chứng từ do Phòng Thương mại Quốc tế (ICC) ban hành.

q Thanh toán bằng tín dụng thanh toán không thể hủy ngang

Bên mua phải sử dụng tín dụng chứng từ không thể hủy ngang thuận lợi cho Bên bán mà sẽ được một ngân hàng uy tín phát hành, theo điều chỉnh của Quy tắc thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ do Phòng Thương mại Quốc tế (ICC) ban hành. Việc phát hành tín dụng chứng từ phải được thông báo ít nhất 14 ngày trước thời gian giao hàng theo thỏa thuận, hoặc trước khi bắt đầu khoảng thời gian giao hàng thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng này, nếu thích hợp, trừ phi các Bên có thỏa thuận khác như sau:

[Thời gian theo đó tín dụng phải được thông báo cho Bên bán]

Tín dụng sẽ hết hạn sau 14 ngày kể từ khi kết thúc thời hạn hoặc thời gian giao hàng quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, trừ phi các bên có thỏa thuận khác như sau: Tín dụng chứng từ không cần phải được xác nhận, trừ phi các Bên có thỏa thuận khác, như được quy định như sau:

Toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến việc xác nhận sẽ do Bên bán chịu, trừ phi các Bên có thỏa thuận khác, như được quy định như sau:

Tín dụng thanh toán có thể được trả ngay và cho phép hàng chờ nhiều lần, trừ phi các Bên có thỏa thuận khác, như được quy định như sau:

q Hoàn trả bằng bảo lãnh ngân hàng

Bên mua sẽ, ít nhất là 30 ngày trước ngày giao hàng hoặc bắt đầu thời hạn giao hàng theo thỏa thuận như được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, trừ phi các Bên nêu rõ một thời gian cụ thể nào đó như sau:

.....cung cấp một bảo lãnh ngân hàng trả tiền ngay đầu tiên theo điều chỉnh của Bộ Quy tắc thống nhất về bảo lãnh trả tiền ngay do ICC ban hành, hoặc một thư tín dụng theo điều chỉnh của các nguyên tắc đó hoặc Quy tắc thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ do ICC ban hành, trong bất cứ trường hợp nào do một ngân hàng uy tín phát hành.

q Các phương thức thanh toán khác

5. Giấy tờ

5.1. Bên bán sẽ cung cấp cho Bên mua (hoặc sẽ cung cấp cho ngân hàng mà Bên mua xác định) những giấy tờ sau đây (đánh dấu vào các ô thích hợp và cho biết số lượng bản sao sẽ được cung cấp, nếu thích hợp):

q Hóa đơn thương mại

q Các giấy tờ vận chuyển sau đây (trình bày cụ thể các yêu cầu)

q Danh sách đóng gói

q Chứng nhận xuất xứ

q Giấy tờ hải quan

q Các giấy tờ khác

5.2. Ngoài ra, Bên bán sẽ cung cấp cho Bên mua các giấy tờ quy định trong các Quy tắc của ICC mà các Bên đã lựa chọn theo Điều 2 của hợp đồng này.

6. Bên mua không thực hiện nghĩa vụ thanh toán vào thời gian theo thỏa thuận

6.1. Nếu Bên mua không thanh toán với mức giá vào thời gian theo thỏa thuận, Bên bán sẽ đưa ra cho Bên mua một khoảng thời gian bổ sung là (cụ thể thời gian, ví dụ: 7 ngày, 14 ngày, 30 ngày, v.v... hoặc lựa chọn một “khoảng thời gian hợp lý”) để thực hiện việc thanh toán. Nếu Bên mua không thanh toán trong khoảng thời gian bổ sung đó, Bên bán có thể tuyên bố hợp đồng vô hiệu theo Điều 11 của hợp đồng này.

6.2. Nếu Bên mua không thanh toán vào thời gian theo thỏa thuận, thì trong bất kỳ trường hợp nào, Bên bán có quyền, không bị giới hạn bất kỳ quyền nào khác mà bên bán có thể có, tính lãi đối với khoản phát sinh (cả trước và sau khi có bất kỳ phán quyết nào) với tỷ lệ là [cụ thể] % mỗi năm.

[Thay thế: Cụ thể tỷ lệ lãi suất khác theo thỏa thuận của các Bên.]

[Bình luận: các bên sẽ xem xét rằng tại một số hệ thống pháp lý, việc thanh toán lãi suất là phi pháp, hoặc phải theo tỷ lệ trần luật định, hoặc có quy định về lãi suất luật định đối với việc thanh toán chậm.]

7. Bên Bán không thực hiện nghĩa vụ giao Hàng hóa vào thời gian thỏa thuận

7.1. Nếu Bên bán không giao Hàng hóa vào thời gian thỏa thuận, thì Bên mua sẽ đưa ra cho Bên bán một khoảng thời gian bổ sung là (cụ thể thời gian, ví dụ: 7 ngày, 14 ngày, 30 ngày, v.v... hoặc lựa chọn một “khoảng thời gian hợp lý”) để thực hiện việc giao hàng. Nếu Bên bán không giao hàng trong khoảng thời gian bổ sung đó, Bên mua có thể tuyên bố hợp đồng vô hiệu theo Điều 11 của hợp đồng này.

[Lựa chọn: “7.2 Nếu Bên bán chậm trễ trong việc giao bất kỳ hàng hóa nào như được quy định trong hợp đồng này, thì Bên mua có quyền yêu cầu một khoản thiệt hại bằng 0.5% (các bên có thể thỏa thuận một tỷ lệ khác:%) giá của hàng hóa đó cho mỗi ngày chậm trễ tính từ thời gian giao hàng thỏa thuận hoặc ngày cuối cùng của thời hạn giao hàng thỏa thuận, như được quy định trong Điều 2 của hợp đồng này, với điều kiện là Bên mua thông báo cho Bên bán về việc chậm trễ này.

Nếu Bên mua thông báo cho Bên bán trong vòng..... ngày kể từ thời gian giao hàng thỏa thuận hoặc ngày cuối cùng của thời hạn giao hàng thỏa thuận, tiền bồi thường thiệt hại sẽ được tính từ ngày giao hàng thỏa thuận hoặc ngày cuối cùng của thời hạn giao hàng theo thỏa thuận. Nếu Bên mua thông báo cho Bên bán quá.....ngày sau thời gian giao hàng thỏa thuận hoặc ngày cuối cùng của thời hạn giao hàng theo thỏa thuận, thiệt hại sẽ được tính từ ngày thông báo. Tiền bồi thường thiệt hại cho việc chậm trễ sẽ không được vượt quá.....% của giá của hàng hóa bị giao chậm trễ. Tiền bồi thường thiệt hại đối với việc chậm trễ không ngăn cản việc hủy hợp đồng này theo Điều 11.”]

8. Không phù hợp

8.1. Tồn tại việc hàng hóa không phù hợp khi Bên bán giao:

8.1.1. Chỉ một phần hoặc số lượng Hàng hóa lớn hơn hoặc nhỏ hơn quy định tại Điều 1 của hợp đồng này;

8.1.2. Hàng hóa không phải là hàng hóa theo hợp đồng này hoặc là hàng hóa khác loại;

8.1.3. Hàng hóa khối lượng thiếu và/hoặc không đúng với đặc điểm quy định tại Điều 1 của hợp đồng này và/hoặc chất lượng không đúng với mẫu hàng mà Bên bán đã cung cấp cho Bên mua;

8.1.4. Hàng hóa không có chất lượng hoặc đặc điểm cần thiết cho việc sử dụng thông thường hoặc thương mại.

8.1.5. Hàng hóa không có chất lượng hoặc đặc điểm với bất kỳ mục đích cụ thể nào mà Bên bán đã biết rõ hoặc ngầm định vào thời điểm ký kết hợp đồng này;

8.1.6. Hàng hóa không được đóng gói theo cách thức quy định tại Điều 1 của hợp đồng này. [Bình luận: Trong trường hợp không có điều khoản hợp đồng đó, thì nên quy định cách thức thông thường đối với loại hàng hóa đó hoặc nếu không có cách thức đó, thì theo cách thức phù hợp để bảo quản Hàng hóa.]

8.2. Bên bán phải chịu trách nhiệm theo khoản 8.1 của Điều này đối với bất cứ Hàng hóa không phù hợp nào tồn tại vào thời điểm rủi ro chuyển sang Bên mua, bất kể việc không phù hợp này chỉ trở nên rõ ràng vào thời điểm đó.

[Bình luận: Các Bên có thể hạn chế trách nhiệm của Bên bán đối với việc Hàng hóa không phù hợp. Tuy nhiên, điều khoản hợp đồng đó sẽ bị vô hiệu nếu Bên bán biết việc không phù hợp đó và không thông báo cho Bên mua về việc này. Nếu các Bên quyết định hạn chế trách nhiệm của Bên bán đối với việc không phù hợp, thì các Bên có thể áp dụng điều khoản sau:

Trách nhiệm của Bên bán theo khoản 8.1 của Điều này đối với việc Hàng hóa không phù hợp được giới hạn [cụ thể (các) giới hạn.]

8.3. Bên bán sẽ không phải chịu trách nhiệm theo khoản 8.1 của Điều này đối với bất cứ việc không phù hợp nào nếu, vào thời điểm ký kết hợp đồng này, Bên mua đã biết hoặc lẽ ra phải biết về việc không phù hợp đó.

8.4. Bên mua sẽ kiểm tra Hàng hóa trong một khoảng thời gian ngắn thích hợp. Bên mua sẽ thông báo cho Bên bán về bất cứ tình trạng không phù hợp nào của Hàng hóa, trong đó nêu rõ nội dung của việc không phù hợp này, trong vòng..... ngày kể từ khi Bên mua phát hiện ra hoặc

đáng ra phải phát hiện ra tình trạng không phù hợp. Trong bất kỳ trường hợp nào, Bên mua sẽ mất quyền dựa vào tình huống không phù hợp nếu Bên mua không thông báo cho Bên bán muộn nhất là trong vòng hai năm (khoảng thời gian khác) kể từ ngày Hàng hóa trên thực tế được giao cho Bên mua.

[Bình luận: Các bên có thể quy định cụ thể rằng thông báo về việc không phù hợp sẽ phải được làm thành văn bản. Các Bên cũng có thể quy định rõ ràng, khi thông báo về việc hàng hóa không phù hợp đã được gửi theo đường thư tín hoặc phương thức thích hợp khác, thì việc thông báo đó bị chậm trễ hoặc không đến được địa điểm sẽ không lấy đi quyền của Bên mua khi viện dẫn thông báo đó.]

8.5. Nếu Bên mua đã có thông báo hợp thức về tình trạng không phù hợp cho Bên bán, thì Bên mua có thể, theo lựa chọn của mình:

8.5.1. Yêu cầu Bên bán giao bất kỳ khối lượng Hàng hóa nào thiếu, mà không phát sinh chi phí nào cho Bên mua;

8.5.2. Yêu cầu Bên bán thay Hàng hóa đó bằng hàng phù hợp; mà không phát sinh chi phí nào cho Bên mua;

8.5.3. Yêu cầu Bên bán sửa chữa Hàng hóa, mà không phát sinh chi phí nào cho Bên mua;

8.5.4. Giảm giá theo cùng tỷ lệ với giá trị mà Hàng hóa trên thực tế được giao vào thời điểm giao hàng với giá trị hàng hóa phù hợp lẽ ra được giao vào thời điểm đó. Bên mua có thể không được yêu cầu giảm giá nếu Bên bán thay thế Hàng hóa bằng hàng phù hợp hoặc sửa chữa Hàng hóa theo khoản 8.5.2 và 8.5.3 của Điều khoản này hoặc nếu Bên mua không chấp nhận việc thực hiện đó của Bên bán;

8.5.5. Tuyên bố hợp đồng này vô hiệu theo Điều 11 của hợp đồng này. Trong bất cứ trường hợp nào, Bên mua sẽ có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại. Bên mua cũng có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 14 của hợp đồng này.

9. Thủ tục chuyên môn [Tùy chọn]

9.1. Trong trường hợp Bên mua không hài lòng về chất lượng của Hàng hóa được giao hoặc sẽ được giao, thì Bên mua phải thông báo cho Bên bán về việc này càng sớm càng tốt, và trong vòng..... ngày kể từ ngày giao Hàng.

9.2. Bên mua sẽ ngay lập tức đệ đơn lên tổ chức.....sau đây để chỉ định một chuyên gia. Nếu các Bên không thỏa thuận được cơ quan

nào, thì Bên mua sẽ ngay lập tức chỉ định một chuyên gia. Bất kỳ chuyên gia nào được chỉ định phải độc lập với các Bên.

9.3. Chuyên gia sẽ xem xét và báo cáo cho các Bên về vấn đề không phù hợp của Hàng hóa.

9.4. Với mục đích này, chuyên gia có quyền kiểm tra toàn bộ hàng hóa, hoặc mẫu mã trong phạm vi thẩm quyền giám sát của mình, và có thể thực hiện bất kỳ cuộc kiểm tra mà chuyên gia cho là cần thiết.

9.5. Chuyên gia sẽ trình báo cáo của mình lên cả hai Bên bằng (cụ thể cách thức, ví dụ: thư tín). Báo cáo sẽ là cuối cùng và ràng buộc các Bên trừ phi, trong vòng..... ngày kể từ khi nhận được báo cáo, báo cáo bị một trong các Bên phản đối bằng việc bắt đầu một quá trình theo thủ tục giải quyết tranh chấp quy định trong hợp đồng này.

9.6. Bên mua sẽ chịu chi phí và thù lao cho chuyên gia khi kết thúc thủ tục chuyên môn, nhưng sẽ được Bên bán hoàn trả nếu có tồn tại tình trạng không phù hợp của Hàng hóa.]

10. Chuyển nhượng quyền sở hữu

10.1. Bên bán phải giao cho Bên mua Hàng hóa như được quy định tại Điều 1 của hợp đồng này mà không bị bất cứ khiếu nại nào của bên thứ ba.

[Lựa chọn: Các Bên có thể quy định điều khoản về nắm giữ quyền nếu điều khoản đó có hiệu lực theo luật áp dụng của hợp đồng này. Theo điều khoản đó, Hàng hóa sẽ thuộc quyền sở hữu của Bên bán cho đến khi được thanh toán đầy đủ. Nếu các Bên quyết định như vậy, thì các Bên có thể áp dụng điều khoản sau đây:

10.1 “Sở hữu danh nghĩa. Quyền sở hữu đối với Hàng hóa theo quy định tại Điều 1 của hợp đồng này sẽ không được chuyển cho Bên mua cho đến khi Bên bán được thanh toán đầy đủ đối với Hàng hóa. Cho đến khi quyền sở hữu Hàng hóa chuyển sang Bên mua,, Bên mua sẽ giữ Hàng hóa riêng rẽ khỏi Hàng hóa của Bên mua và bên thứ ba và được cất giữ, bảo quản và bảo đảm và xác định với tư cách là sở hữu của Bên bán.”]

10.2. Nếu Hàng hóa quy định tại Điều 1 của hợp đồng này có liên quan đến quyền hoặc khiếu nại của một bên thứ ba, thì Bên mua phải thông báo cho Bên bán về quyền hoặc khiếu nại của bất cứ bên thứ ba nào mà Bên bán giao mà không phát sinh thêm bất kỳ chi phí nào cho Bên mua. *[Thay thế, Bên mua có thể yêu cầu Bên bán giữ Hàng hóa không liên quan đến bất kỳ quyền và khiếu nại của bên thứ ba trong vòng (cụ thể khoảng thời gian, ví dụ: thời gian hợp lý, ngay lập tức, 30 ngày, v.v...) mà không phát sinh thêm bất kỳ chi phí nào cho Bên mua.]*

10.3. Nếu Bên bán thực hiện theo yêu cầu như quy định tại khoản 10.2 của Điều này, và Bên mua vẫn chịu thiệt hại, thì Bên mua có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Điều 14 của hợp đồng này.

10.4. Nếu Bên bán không thực hiện theo yêu cầu như quy định tại khoản 10.2 của Điều này, thì Bên mua có thể tuyên bố hợp đồng vô hiệu theo Điều 11 của hợp đồng này và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Điều 14.3 của hợp đồng này. Nếu Bên mua không tuyên bố hợp đồng vô hiệu, thì Bên mua sẽ có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Điều 14.3 của hợp đồng này.

10.5. Bên mua sẽ mất quyền tuyên bố hợp đồng vô hiệu nếu Bên mua không thông báo cho Bên bán theo quy định tại khoản 10.2 của Điều này trong vòng.....ngày

[Thay thế: khoảng thời gian hợp lý, ngay lập tức, v.v... kể từ thời điểm Bên mua biết được hoặc lẽ ra phải biết được về quyền và khiếu nại của bên thứ ba liên quan đến Hàng hóa.]

10.6. Bên bán sẽ không phải chịu trách nhiệm theo Điều này nếu việc tồn tại quyền hoặc khiếu nại của bên thứ ba đối với Hàng hóa đã được thông báo cho Bên mua vào thời điểm ký kết hợp đồng và Bên mua đã đồng ý.

[10.7 Tùy chọn: “Bên mua không được đưa đơn kiện đối với các khiếm khuyết về mặt pháp lý sau một năm (cụ thể khoảng thời gian) kể từ ngày khi Bên mua biết được việc tồn tại của quyền hoặc khiếu nại của bên thứ ba về Hàng hóa.”]

11. Hủy hợp đồng

11.1. Sẽ tồn tại một vi phạm hợp đồng nếu một bên không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo hợp đồng này, bao gồm việc thực hiện có khiếm khuyết, từng phần hoặc chậm trễ.

11.2. Sẽ tồn tại một vi phạm hợp đồng cơ bản nếu:

11.2.1. Việc không tuân thủ nghĩa vụ là điều cốt yếu của hợp đồng này; hoặc

11.2.2. Việc không tuân thủ sẽ tước đi một cách căn bản những gì mà bên bị vi phạm có quyền được hy vọng theo hợp đồng này.

[Lựa chọn: “Các Bên thỏa thuận rằng hành vi sau đây sẽ bị coi là một vi phạm căn bản hợp đồng:

(Nêu rõ những trường hợp cấu thành nên một vi phạm căn bản hợp đồng, chẳng hạn như thanh toán chậm, giao hàng chậm, không phù hợp, v.v...)

11.3. Trong trường hợp vi phạm hợp đồng theo khoản 10.1 của Điều khoản này, bên bị vi phạm sẽ, qua thông báo cho bên kia, đưa ra một khoảng thời gian thực hiện bổ sung là (nêu rõ khoảng thời gian). Trong khoảng thời gian bổ sung, bên bị vi phạm có thể từ chối thực hiện những nghĩa vụ có đi có lại của mình và có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại,

nhưng không được tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Nếu bên kia không thực hiện nghĩa vụ của mình trong khoảng thời gian bổ sung, thì bên bị vi phạm có thể tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

11.4. Trong trường hợp có vi phạm cơ bản hợp đồng theo khoản 10.2 của Điều này, bên bị vi phạm có thể tuyên bố hợp đồng vô hiệu mà không phải đưa ra bất cứ khoảng thời gian thực hiện bổ sung nào cho bên kia.

11.5. Một tuyên bố hủy hợp đồng chỉ có hiệu lực nếu được làm thành thông báo gửi cho bên kia.

12. Hệ quả của việc hủy hợp đồng nói chung:

12.1. Việc hủy hợp đồng này sẽ dẫn đến việc hai bên không còn nghĩa vụ nào đối với việc thực hiện trong tương lai

12.2. Việc hủy hợp đồng này không ngăn cản một khiếu nại yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi không thực hiện.

12.3. Việc hủy hợp đồng này không ảnh hưởng đến bất kỳ quy định nào trong hợp đồng này về việc giải quyết tranh chấp hoặc bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng này mà sẽ được thực hiện ngay cả sau khi hủy hợp đồng.

13. Hoàn trả

13.1. Trên cơ sở hủy hợp đồng này, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hoàn trả những gì mà bên đó cung cấp, với điều kiện là bên đó đồng thời cũng phải hoàn trả những gì mà mình nhận được.

13.2. Nếu cả hai bên đều phải hoàn trả, thì các bên sẽ thực hiện đồng thời.

13.3. Nếu Bên bán có nghĩa vụ phải hoàn trả tiền, thì Bên bán cũng phải chịu trách nhiệm thanh toán cả lãi suất với tỷ lệ theo Điều 6.2 của hợp đồng này, kể từ ngày thanh toán.

13.4. Bên mua phải chịu trách nhiệm trả cho Bên bán toàn bộ lợi nhuận mà Bên mua có được từ Hàng hóa hoặc một phần hàng hóa, như sau:

13.4.1. Nếu Bên mua có trách nhiệm phải hoàn trả Hàng hóa hoặc một phần Hàng hóa; hoặc

13.4.2. Nếu Bên mua không thể hoàn trả Hàng hóa hoặc một phần Hàng hóa, nhưng hợp đồng đã bị tuyên hủy.

14. Bồi thường thiệt hại

14.1. Bất kỳ hành vi không thực hiện nào tạo ra một quyền cho nên bị ảnh hưởng được yêu cầu bồi thường thiệt hại riêng biệt hoặc cùng với bất kỳ biện pháp nào khác nếu việc không thực hiện được biện minh

bằng tình huống Bất khả kháng như được quy định tại Điều 17 của hợp đồng này.

14.2. Nếu hợp đồng không bị hủy, thì tiền bồi thường thiệt hại đối với việc một bên vi phạm hợp đồng này sẽ bao gồm một khoản tiền có giá trị bằng thiệt hại, bao gồm thiệt hại về lợi nhuận, do bên kia gây ra. Những khoản bồi thường thiệt hại đó sẽ không được vượt quá thiệt hại mà Bên vi phạm phải nhìn thấy trước vào thời điểm ký kết hợp đồng này, trên cơ sở dữ kiện và vấn đề mà bên đó đã biết hoặc lẽ ra phải biết, là hậu quả có thể của việc vi phạm hợp đồng này.

14.3. *[Phù hợp với hợp đồng cụ thể]* Trong trường hợp hủy hợp đồng này, nếu có giá hiện hành của Hàng hóa, thì khoản tiền bồi thường thiệt hại sẽ tương ứng với mức chênh lệch giữa giá quy định trong hợp đồng và giá hiện hành vào ngày hủy hợp đồng. Trong quá trình tính toán giá trị khoản bồi thường thiệt hại, giá hiện hành sẽ được xem xét đến sẽ được dùng làm cơ sở tại nơi thực hiện việc giao hàng. Nếu không xác định được giá hiện hành hoặc việc áp dụng giá hiện hành là không thích hợp, thì sẽ áp dụng giá trên thị trường làm giá thay thế hợp lý, chiết khấu khoảng chênh lệch trong chi phí vận chuyển hàng hóa. Nếu không có giá hiện hành của hàng hóa, thì khoản tiền bồi thường thiệt hại sẽ được tính toán trên cơ sở giống như quy định tại khoản 14.2 của điều này.

14.4. Nếu hợp đồng này bị hủy và nếu, theo cách thức hợp lý và trong khoản thời gian hợp lý sau khi hủy *[các Bên có thể nêu rõ các điều khoản cụ thể]*, Bên mua đã mua hàng hóa thay thế hoặc Bên bán đã bán lại hàng hóa, thì Bên yêu cầu bồi thường thiệt hại sẽ thu lại khoản chênh lệch giữa giá hợp đồng và giá cả cho hàng hóa đã mua để thay thế bằng việc bán lại.

14.5. Khoản tiền bồi thường thiệt hại theo quy định tại điều 14.5 và 14.6 của Điều khoản này có thể tăng lên theo bất kỳ chi phí hợp lý nào phát sinh do hành vi vi phạm hoặc trên cơ sở bất kỳ thiệt hại nào, kể cả thiệt hại về lợi nhuận, mà lẽ ra Bên vi phạm đã nhìn thấy trước vào thời điểm ký hợp đồng này, trên cơ sở các dữ liệu và vấn đề mà bên đó đã biết hoặc lẽ ra phải biết, là hậu quả có thể của hành vi vi phạm hợp đồng.

14.6. Khoản bồi thường thiệt hại sẽ được thanh toán một lần *[các Bên có thể nêu rõ cách giải quyết khác. Bình luận: các Khoản bồi thường thiệt hại có thể được chia làm nhiều lần nếu thích hợp với bản chất của thiệt hại. Các khoản bồi thường thiệt hại mà sẽ được thanh toán thành nhiều lần sẽ được làm thành phụ lục.]*

14.7. Các khoản bồi thường thiệt hại sẽ được tính theo đồng tiền mà nghĩa vụ thanh toán được nêu rõ *[các Bên có thể cụ thể cách thức giải quyết, ví dụ: đồng tiền mà thiệt hại xảy ra]*

15. Giảm thiểu thiệt hại

Một bên vi phạm dẫn hành vi vi phạm hợp đồng này phải áp dụng các biện pháp hợp lý nhằm giảm thiểu thiệt hại, kể cả thiệt hại lợi nhuận, do hành

vi phạm gây ra. Nếu bên đó không áp dụng các biện pháp đó, thì Bên vi phạm có thể yêu cầu giảm tiền bồi thường thiệt hại một khoản mà thiệt hại lẽ ra đã được khắc phục.

16. Thay đổi hoàn cảnh

[Bình luận: Các Bên nên được tự do tham vấn với bên kia trong trường hợp có sự thay đổi lớn về hoàn cảnh – đặc biệt khi một bên gây khó khăn cho bên kia. Tuy nhiên, SME chỉ được thêm lựa chọn trong Điều 16.3 (Quyền đến tòa án/ hội đồng trọng tài để sửa đổi hoặc chấm dứt hợp đồng)] nếu (i) SME thấy rằng không có khả năng một bên sử dụng SME để chống lại lợi ích của bên đó với một lập trường mạnh hơn hoặc (ii) quyền đến một tòa án/hội đồng là một quyền hiện tại theo luật điều chỉnh được áp dụng trong trường hợp có Khó khăn.]

16.1. Nếu việc thực hiện hợp đồng này trở nên khó khăn cho một trong các Bên, thì bên đó phải chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của mình tùy theo những quy định sau đây về thay đổi hoàn cảnh (Khó khăn).

16.2. Tuy nhiên, nếu sau thời điểm ký hợp đồng này, các sự kiện xảy ra mà các Bên không lường trước được và làm thay thế căn bản sự cân bằng của hợp đồng hiện tại, theo đó tạo ra nghĩa vụ phi lý cho một trong các Bên trong việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng (Khó khăn) thì bên đó có quyền yêu cầu sửa đổi hợp đồng với điều kiện là:

16.2.1. Bên bị ảnh hưởng không thể xem xét đến các hoàn cảnh đó tại thời điểm ký hợp đồng;

16.2.2. Các hoàn cảnh vượt quá kiểm soát của bên bị ảnh hưởng; và

16.2.3. Theo hợp đồng này, rủi ro của các hoàn cảnh không phải là một trong các hoàn cảnh mà bên bị ảnh hưởng phải chịu.

16.2.4. Mỗi bên sẽ xem xét một cách thiện chí bất kỳ đề xuất sửa đổi mà bên kia đưa ra đối với những lợi ích của mối quan hệ giữa các bên.

[Lựa chọn, bổ sung nếu cần thiết: Xóa bỏ nếu không áp dụng hoặc không thể được thực thi theo luật điều chỉnh hợp đồng.]

16.3. Nếu các Bên không thỏa thuận được về việc sửa đổi được đưa ra [cụ thể thời hạn nếu thích hợp], thì bất kỳ bên nào cũng có thể sử dụng thủ tục giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 22. Tòa án/hội đồng trọng tài sẽ có thẩm quyền đưa ra bất kỳ sửa đổi nào đối với hợp đồng này nếu tòa/hội đồng trọng tài cho là công bằng và hợp lý trong từng hoàn cảnh hoặc chấm dứt hợp đồng tại một thời điểm và trên cơ sở được xác định.”]

17. Bất khả kháng- lý do cho việc không thực hiện

17.1. “Bất khả kháng” là chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, tai nạn, hỏa hoạn, động đất, lũ lụt, bão, biểu tình hoặc trở ngại nào mà bên bị ảnh

hường chứng minh được rằng điều đó ngoài tầm kiểm soát của bên đó và không thể lường hết vào thời điểm ký kết hợp đồng này, hoặc tránh được hoặc khắc phục được các hậu quả của nó.

17.2. Bên bị ảnh hưởng bởi tình huống Bất khả kháng sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng này, hoặc phải chịu trách nhiệm đối với bên kia, với lý do chậm trễ trong việc thực hiện, hoặc việc không thực hiện, về bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo hợp đồng này trong phạm vi mà việc chậm trễ hoặc không thực hiện là do bất kỳ tình huống Bất khả kháng gây ra mà bên đó đã thông báo cho bên kia theo Điều 17.3. Thời gian thực hiện nghĩa vụ đó sẽ được gia hạn theo quy định tại Điều 17.4.

17.3. Nếu bất kỳ tình huống Bất khả kháng xảy ra liên quan đến bất kỳ bên nào mà ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đến việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào theo hợp đồng này, thì phải thông báo cho bên kia trong một khoảng thời gian hợp lý về bản chất của hoàn cảnh hiện tại và ảnh hưởng của hoàn cảnh đó đối với khả năng thực hiện của mình.

17.4. Nếu việc thực hiện của bất kỳ bên nào đối với bất kỳ nghĩa vụ nào theo hợp đồng này bị ngăn cản hoặc bị trì hoãn bởi tình huống Bất khả kháng trong một khoảng thời gian liên tiếp vượt quá ba tháng [*cụ thể những con số khác*], thì bên kia sẽ có quyền chấm dứt hợp đồng này bằng thông báo bằng văn bản cho bên bị ảnh hưởng bởi tình huống Bất khả kháng.

[Thay thế: Nếu muốn, thay thế Điều 17.4 bằng quy định sau: “17.4 Nếu việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào trong hợp đồng này của bất kỳ bên nào bị cản trở hoặc bị trì hoãn do tình huống Bất khả kháng trong một khoảng thời gian liên tiếp vượt quá ba tháng, thì các Bên sẽ thương lượng trên tinh thần thiện chí, và có những nỗ lực hợp lý để thỏa thuận về những sửa đổi đối với hợp đồng này hoặc những thỏa thuận thay thế có thể công bằng và hợp lý nhằm giảm bớt tác động của tình huống Bất khả kháng. Nhưng nếu các Bên không thỏa thuận được về những sửa đổi đó hoặc các thỏa thuận trong một khoảng thời gian tiếp theo là 30 ngày [nêu rõ bất kỳ con số nào khác], thì bên kia có quyền chấm dứt hợp đồng này bằng việc thông báo bằng văn bản cho Bên bị ảnh hưởng bởi tình huống Bất khả kháng.”]

18. Thỏa thuận toàn bộ

18.1. Hợp đồng này quy định về thỏa thuận toàn bộ giữa các Bên. Không bên nào được ký hợp đồng này về liên minh trên cơ sở bất kỳ đại diện, đảm bảo hoặc nghĩa vụ nào của bên kia mà không được quy định hoặc dẫn chiếu rõ ràng trong hợp đồng này. Điều này sẽ không loại trừ bất kỳ trách nhiệm nào đối với hành vi lừa đảo. [*Lựa chọn: bổ sung nếu thích hợp: “Hợp đồng này sẽ thay thế bất kỳ thỏa thuận hoặc cách hiểu nào trước đó liên quan đến đối tượng của hợp đồng.”]*

18.2. Hợp đồng này có thể sẽ không có quy định khác trừ khi các Bên đồng ý bằng văn bản (có thể bằng e-mail). *[Bổ sung nếu Điều 16.3 hoặc tương đương có quy định: “Hoặc theo Điều 16.3 này”]*

19. Thông báo

19.1. Bất kỳ thông báo nào theo hợp đồng này phải được làm thành văn bản (có thể bằng e-mail) và có thể được gửi bằng việc chuyển đến địa chỉ của bên kia được quy định tại Điều 19.2 dưới đây, theo cách thức đảm bảo chứng minh được việc đã nhận được thông báo.

19.2. Vì mục đích của Điều 19.1, các chi tiết của thông báo được trình bày như dưới đây, trừ phi nội dung thông báo được thực hiện theo đúng Điều này:

-
-

20. Tác động của các điều khoản vô hiệu hoặc không thể thực hiện được

Nếu bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng này bị bất kỳ tòa án nào hoặc bất kỳ cơ quan thẩm quyền nào khác tuyên là vô hiệu hoặc không thể thực hiện được toàn bộ hoặc một phần, thì hợp đồng này sẽ tiếp tục có hiệu lực đối với những điều khoản khác và phần còn lại của điều khoản đó, trừ phi có thể kết luận rằng, nếu không có điều khoản bị tuyên vô hiệu đó thì các Bên sẽ không thể ký kết được hợp đồng này. Các Bên sẽ có những nỗ lực hợp lý để thay thế tất cả các điều khoản bị tuyên vô hiệu bằng những điều khoản có hiệu lực theo luật áp dụng và gần gũi nhất với ý định ban đầu của các Bên.

21. Ủy quyền [Bổ sung nếu thích hợp]

21.1. Hợp đồng này phụ thuộc vào những ủy quyền sau đây *[nêu rõ ủy quyền hoặc những điều kiện bắt buộc khác, ví dụ: của cơ quan chính phủ]*

21.2. Bên có liên quan sẽ có những nỗ lực hợp lý để có được những ủy quyền đó và sẽ nhanh chóng thông báo cho bên kia bất khó khăn nào.

22. Giải quyết tranh chấp

Bất kỳ tranh chấp, bất đồng hoặc khiếu nại nào phát sinh từ hoặc có liên quan đến hợp đồng này (bao gồm việc ký kết, giải thích, thực hiện, vi phạm, chấm dứt hoặc vô hiệu) sẽ được giải quyết theo các quy tắc *[cụ thể tổ chức trọng tài]* với *[cụ thể số trọng tài viên, chẳng hạn như trọng tài viên duy nhất, ba trọng tài viên]* được chỉ định theo những quy tắc nói trên. Địa điểm trọng tài sẽ là *[cụ thể]*. Ngôn ngữ sử dụng trong trọng tài là *[cụ thể]*.

[Những quy định sau đây là những quy định thay thế đối với một tổ chức trọng tài xác định theo Điều 22:

Thay thế 1: Trọng tài vụ việc

“Bất kỳ tranh chấp, bất đồng hoặc khiếu nại nào phát sinh hoặc liên quan đến hợp đồng này, bao gồm việc ký kết, giải thích, thực hiện, vi phạm, chấm dứt hoặc vô hiệu, sẽ được giải quyết theo các quy tắc của UNCITRAL [cụ thể các quy tắc khác] với [cụ thể số lượng trọng tài viên, chẳng hạn như trọng tài viên duy nhất, ba trọng tài viên] được chỉ định bởi [cụ thể tên của tổ chức hoặc cá nhân chỉ định]. Địa điểm trọng tài sẽ là [cụ thể]. Ngôn ngữ sử dụng trong trọng tài sẽ là [cụ thể].”]

[Thay thế 2: Các tòa án quốc gia

“Bất kỳ tranh chấp, bất đồng hoặc khiếu nại nào phát sinh hoặc liên quan đến hợp đồng này, bao gồm việc ký kết, giải thích, thực hiện, vi phạm, chấm dứt hoặc vô hiệu, sẽ được giải quyết bằng tòa án của (cụ thể địa điểm và quốc gia) có thẩm quyền riêng biệt.”]

23. Luật áp dụng và nguyên tắc chỉ đạo

23.1. Các vấn đề liên quan đến hợp đồng này mà không giải quyết được theo các quy định có trong hợp đồng thì sẽ được điều chỉnh theo Công ước của Liên hợp quốc về Hợp đồng Mua bán hợp đồng quốc tế (Công ước Viên về Mua bán năm 1980, sau đây gọi là CISG).

Các vấn đề không được CISG điều chỉnh thì sẽ được điều chỉnh theo các Nguyên tắc UNIDROIT về Hợp đồng thương mại quốc tế (sau đây gọi là Nguyên tắc UNIDROIT), và nếu các vấn đề đó không được điều chỉnh theo Nguyên tắc UNIDROIT, thì sẽ được viện dẫn tới *[nêu rõ luật quốc gia áp dụng theo lựa chọn sau đây:*

Luật quốc gia áp dụng của nước mà Bên bán có trụ sở kinh doanh, hoặc Luật quốc gia áp dụng của nước mà Bên mua có trụ sở kinh doanh, hoặc Luật quốc gia áp dụng của nước thứ ba (nêu rõ quốc gia).]

23.2. Hợp đồng này sẽ được thực hiện trên tinh thần thiện chí và công bằng.

THỜI GIAN VÀ CHỮ KÝ CỦA CÁC BÊN

	Bên bán	Bên mua
Thời gian		
Tên		
	Chữ ký	Chữ ký